

Vietnam Daily Review

Rơi tự do đầu tuần

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/5/2022	•		
Tuần 9/5-13/5/2022	•		
Tháng 5/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Vừa mở cửa phiên đầu tuần, VN-Index đã gieo mình từ độ cao 1330 điểm. Sau khi rơi tự do hơn 30 điểm, những cánh tay của bên mua vươn ra nắm lấy chỉ số. Tuy nhiên, lực bán dường như khiến chỉ số trở nên quá nặng, bên mua tuyệt tay, lực bắt tòng tâm nhìn VN-Index tiếp tục rơi xuống vùng hỗ trợ tiếp theo quanh ngưỡng 1280 điểm, rồi lại tiếp tục rơi xuống vùng 1265 trước khi ngoi lên đóng cửa tại vùng 1270. Vậy là sau một ngày rơi hết 9 tầng mây, VN-Index đóng cửa giảm gần 60 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 19/19 ngành giảm điểm, 13/30 mã trong nhóm VN30 giảm sàn, 17 mã còn lại...giảm sâu. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này là điểm sáng le lói khi mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Tâm lý thị trường hiện tại vẫn đang tiêu cực với cây nến đỏ thân dài; có thể trong những phiên tới, thị trường sẽ giảm tiếp xuống vùng 1250.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm mạnh theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Nhà đầu tư nên xem xét canh bán các HĐTL ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 09/05/2022, các chứng quyền giảm sâu theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-59.64** điểm, đóng cửa **1269.62** điểm. HNX-Index **-20.07** điểm, đóng cửa **323.39** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **SHI (+0.02)**, **CAV (+0.02)**, **TRA (+0.02)**, **KPF (+0.02)**, **COM (+0.01)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-3.16)**, **VPB (-2.56)**, **TCB (-2.49)**, **GAS(-2.36)**, **CTG (-2.18)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17.143** tỷ đồng, tăng **15.90%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18.768 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 48.98 điểm. Thị trường có **27** mã tăng, 12 mã tham chiếu và **445** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **574.89** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (94.14 tỷ)**, **HPG (63.98 tỷ)**, **GMD (60.59 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **15.08** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1269.62**
Giá trị: 18768.25 tỷ **-59.64 (-4.49%)**
Khối ngoại (ròng): 574.24 tỷ

HNX-INDEX **323.39**
Giá trị: 2037.59 tỷ **-20.07 (-5.84%)**
Khối ngoại (ròng): 15.8 tỷ

UPCOM-INDEX **96.50**
Giá trị: 889.11 tỷ **-5.38 (-5.28%)**
Khối ngoại(ròng): 33.7 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	108.2	-1.44%
Giá vàng	1,867	-0.89%
Tỷ giá USD/VND	22,952	-0.03%
Tỷ giá EUR/VND	24,131	-0.55%
Tỷ giá JPY/VND	17,497	-0.60%
LS liên NH 1 tháng	2.3%	-2.35%
LS TPCP 5 năm	2.4%	-2.04%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	93.9	NVL	-38.5
HPG	63.8	VCB	-20.1
GMD	60.6	GEX	-17.0
VRE	50.3	SBT	-10.9
DGC	49.0	STB	-10.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
-----------------	-------	---------------------	--------------	------------	--------------	-----------------	----------	----------------------

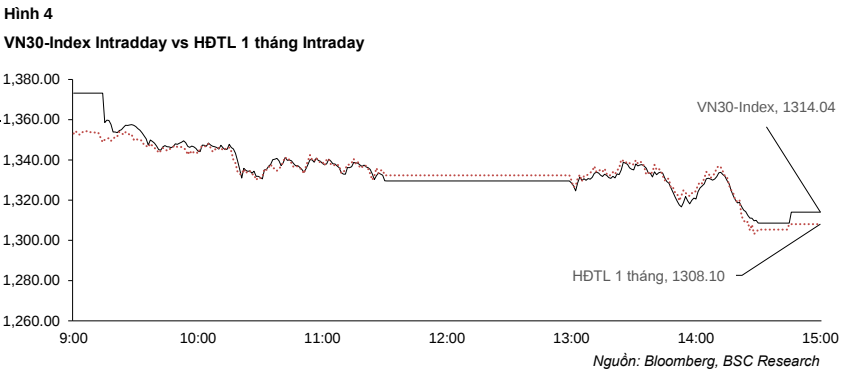
Chú thích:	(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt	(**) Tiệm cận giá mục tiêu
------------	-----------------------------------	----------------------------

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/5/2022	POW	14.05	16.6	13	SL	5	-7.47%
3/5/2022	PC1	39.4	45	36.55	SL	6	-7.23%
28/4/22	FPT	105.5	118.9	100	SL	10	-5.21%
27/4/22	HPG	42.5	47	39.5	SL	12	-7.06%
26/4/22	REE	73.9	86	69	TP	13	16.37%
16/4/22	DRC	37.5	42	35	SL	4	-6.67%
15/4/22	MIG	29.65	33.9	27.65	SL	5	-6.75%
14/4/22	BWE	57.7	66	53.7	SL	11	-6.93%
13/4/22	LHG	57.7	67.8	53.7	SL	7	-6.93%
6/4/2022	HT1	25.7	30	24.2	SL	9	-5.84%
5/4/2022	ELC	28.85	35	27	SL	3	-6.41%
4/4/2022	GVR	36.5	41.5	34	SL	8	-6.85%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	0	0.00%	0.00%	0.00%	0
Cổ phiếu đã chốt	244	212	7.17%	-7.57%	4.25%	23

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2205	1308.10	-3.96%	-5.94	9.0%	328,416	5/19/2022	12
VN30F2206	1310.10	-3.74%	-3.94	136.2%	1,658	6/16/2022	40
VN30F2209	1303.20	-5.84%	-10.84	134.0%	110	9/15/2022	131
VN30F2212	1306.00	-3.98%	-8.04	147.5%	146	12/15/2022	222

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm sâu -59.17 điểm xuống 1314.04 điểm. Các cổ phiếu như VPB, TCB, MWG, FPT, HPG đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Đà điều chỉnh VN30 tiếp tục, thanh khoản ở mức cao cho thấy tâm lý bán tháo tiếp tục trên thị trường.
- Các HĐTL đều giảm mạnh theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐ tăng bao gồm VN30F2205 và VN30F2212, các HĐ còn lại giảm. Nhà đầu tư nên xem xét canh bán các HĐTL ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2119	5/24/2022	15	2:1	99,200	30.74%	3,380	100	-47.37%	0	8,581.29	54,140	53,000	39,950
CHPG2116	7/6/2022	58	4:1	46,700	30.74%	2,830	350	-45.31%	1	655.50	62,010	61,410	39,950
CHDB2202	6/9/2022	31	5:1	354,900	36.35%	2,220	180	-40.00%	9	20.63	31,100	30,500	23,000
CFPT2201	9/20/2022	134	5:1	742,000	24.10%	2,100	960	-36.00%	1,258	0.76	118,800	106,000	94,000
CFPT2111	5/24/2022	15	8:1	48,200	24.10%	1,990	440	-35.29%	175	2.51	107,680	106,000	94,000
CACB2202	6/9/2022	31	3:1	206,700	24.02%	2,150	220	-33.33%	29	7.69	37,650	35,100	30,600
CFPT2108	7/6/2022	58	6:1	30,600	24.10%	3,280	1,240	-29.94%	568	2.18	109,835	106,835	94,000
CKDH2201	10/5/2022	149	4:1	565,100	34.86%	1,500	320	-28.89%	159	2.01	62,178	61,618	42,900
CHPG2206	8/15/2022	98	8:1	431,900	30.74%	1,000	350	-28.57%	94	3.71	49,928	48,888	39,950
CHDB2203	8/15/2022	98	3:1	301,100	36.35%	1,100	320	-27.27%	250	1.28	31,588	28,888	23,000
CHPG2117	7/1/2022	53	5:1	1,678,300	30.74%	2,320	90	-25.00%	0	184.75	66,900	60,000	39,950
CFPT2202	6/24/2022	46	8:1	1,119,500	24.10%	1,700	1,300	-23.53%	1,954	0.67	101,540	89,700	94,000
CHPG2204	6/24/2022	46	5:1	393,000	30.74%	1,900	620	-22.50%	197	3.15	54,500	44,500	39,950
CHPG2203	9/20/2022	134	4:1	1,308,900	30.74%	2,200	660	-20.48%	176	3.75	81,500	51,500	39,950
CFPT2203	8/1/2022	84	10:1	1,984,100	24.10%	3,800	3,250	-19.75%	1,178	2.76	102,500	95,000	94,000
CHPG2202	9/21/2022	135	10:1	278,100	30.74%	1,100	420	-19.23%	46	9.11	116,488	53,888	39,950
CACB2201	9/20/2022	134	4:1	318,400	24.02%	1,500	580	-18.31%	182	3.19	47,980	35,500	30,600
CHDB2201	9/21/2022	135	8:1	34,100	36.35%	1,500	420	-17.65%	81	5.16	37,959	30,999	23,000
CHPG2201	10/21/2022	165	10:1	847,500	30.74%	1,300	600	-10.45%	133	4.52	73,866	49,666	39,950
CACB2103	5/24/2022	15	1:1	29,200	24.02%	3,700	120	-7.69%	0	804.66	39,440	37,000	30,600
Tổng				10,718,300	29.31%**								
Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất							CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
	**Trung bình độ lệch chuẩn							*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 09/05/2022, các chứng quyền giảm sâu theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CKDH2204 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 242.34% và 140.00%. Giá trị giao dịch giảm -10.78% CFPT2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 19.60% thị trường.
- CPNJ2201, CPOW2202, CSTB2201, và CVPB2203 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2201, CMBB2109, CVRE2113, và CHPG2206 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2201, CFPT2202, và CPNJ2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	136.4	-7.0%	0.5	4,341	16.3	7,030	19.4	4.5	49.0%	25.8%	
PNJ	Bán lẻ	99.1	-6.9%	0.6	1,044	4.9	5,443	18.2	3.0	52.2%	18.0%	
BVH	Bảo hiểm	59.4	-6.9%	1.3	1,917	6.5	2,557	23.2	2.0	26.4%	9.0%	
PVI	Bảo hiểm	49.0	-9.6%	0.5	499	0.5	3,644	13.4	1.5	58.1%	11.1%	
VIC	Bất động sản	79.1	-0.9%	0.6	13,117	8.3	(578)	#N/A	2.9	12.6%	-2.4%	
VRE	Bất động sản	28.2	-4.7%	1.1	2,786	9.4	401	70.3	2.1	30.8%	3.0%	
VHM	Bất động sản	68.0	-1.0%	1.0	12,874	16.6	8,786	7.7	2.3	23.3%	34.5%	
DXG	Bất động sản	30.3	-6.9%	1.5	800	5.5	1,503	20.2	2.0	31.4%	11.3%	
SSI	Chứng khoán	26.9	-6.9%	1.7	1,159	23.1	3,023	8.9	1.8	37.1%	22.6%	
VCI	Chứng khoán	34.6	-7.0%	1.0	501	4.5	4,884	7.1	1.6	18.7%	26.9%	
HCM	Chứng khoán	21.7	-6.9%	1.6	431	5.1	2,619	8.3	1.3	42.4%	17.9%	
FPT	Công nghệ	94.0	-6.2%	1.0	3,709	18.9	5,152	18.2	4.4	49.0%	26.1%	
FOX	Công nghệ	74.0	-6.4%	0.4	1,056	0.1	4,926	15.0	4.0	0.0%	30.2%	
GAS	Dầu khí	104.9	-4.5%	1.1	8,729	2.6	5,109	20.5	3.7	2.9%	19.2%	
PLX	Dầu khí	42.6	-7.0%	1.5	2,353	4.7	1,950	21.8	2.1	17.3%	9.9%	
PVS	Dầu khí	22.0	-9.1%	1.8	457	11.8	1,408	15.6	0.9	8.7%	5.5%	
BSR	Dầu khí	20.2	-6.0%	0.8	2,723	6.4	2,108	9.6	1.7	41.1%	19.1%	
DHG	Dược	97.4	-3.4%	0.2	554	0.0	6,105	16.0	3.6	54.2%	21.8%	
DPM	Hóa chất	59.3	-6.9%	1.0	1,009	12.4	12,920	4.6	1.9	12.3%	50.2%	
DCM	Hóa chất	33.3	-7.0%	1.0	766	4.1	5,643	5.9	2.0	7.5%	38.9%	
VCB	Ngân hàng	77.9	-1.9%	0.9	16,029	5.7	4,855	16.0	3.2	23.6%	21.1%	
BID	Ngân hàng	34.5	-6.9%	1.2	7,577	3.7	2,266	15.2	2.0	16.8%	13.8%	
CTG	Ngân hàng	25.2	-6.9%	1.6	5,255	6.1	2,558	9.8	1.2	25.8%	13.0%	
VPB	Ngân hàng	31.8	-6.9%	1.2	6,146	33.8	3,874	8.2	1.6	17.5%	24.0%	
MBB	Ngân hàng	26.2	-6.4%	1.2	4,304	18.4	3,623	7.2	1.5	23.2%	23.7%	
ACB	Ngân hàng	30.6	-1.3%	1.1	3,595	6.8	3,852	7.9	1.7	30.0%	24.2%	
BMP	Nhựa	55.5	-5.1%	0.6	198	0.2	3,150	17.6	1.9	85.6%	10.7%	
NTP	Nhựa	49.8	-6.0%	0.4	255	0.1	3,990	12.5	2.1	17.9%	16.9%	
MSR	Tài nguyên	21.5	-12.2%	1.3	1,027	0.7	178	120.8	1.7	10.1%	1.4%	
HPG	Thép	40.0	-4.4%	1.1	7,769	46.7	7,443	5.4	1.8	21.6%	40.4%	
HSG	Thép	24.2	-6.9%	1.5	519	7.5	7,157	3.4	1.0	6.7%	35.8%	
VNM	Tiêu dùng	70.0	-0.3%	0.6	6,361	7.3	4,390	15.9	4.5	54.3%	28.9%	
SAB	Tiêu dùng	160.1	-4.4%	0.8	4,464	1.3	5,969	26.8	4.8	62.7%	19.0%	
MSN	Tiêu dùng	114.9	-1.8%	0.9	7,077	5.4	7,041	16.3	5.9	28.6%	45.7%	
SBT	Tiêu dùng	17.3	-6.8%	1.4	472	2.2	1,144	15.1	1.3	8.5%	8.3%	
ACV	Vận tải	85.2	-1.7%	0.8	8,064	0.2	363	234.8	4.9	3.8%	1.3%	
VJC	Vận tải	124.0	-3.1%	1.1	2,920	3.1	147	840.9	4.0	16.8%	0.5%	
HVN	Vận tải	19.6	-6.9%	1.7	1,882	2.5	(6,783)	N/A	N/A	29.1	6.1%	-331.6%
GMD	Vận tải	53.5	-4.6%	1.0	701	8.3	2,256	23.7	2.4	44.2%	10.8%	
PVT	Vận tải	18.0	-6.8%	1.4	253	4.8	2,088	8.6	1.1	11.1%	13.0%	
VCS	Vật liệu xây dựng	86.2	-8.9%	0.7	600	0.7	10,540	8.2	2.6	3.3%	37.5%	
VGC	Vật liệu xây dựng	42.1	-7.0%	0.5	820	2.1	3,677	11.4	2.4	4.6%	22.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	17.3	-7.0%	0.9	287	1.9	783	22.1	1.3	2.0%	5.6%	
CTD	Xây dựng	49.8	-6.9%	1.2	160	2.6	(27)	N/A	N/A	0.4	45.7%	0.0%
CII	Xây dựng	19.2	-6.8%	1.3	210	3.7	1,266	15.2	0.9	10.7%	6.1%	
REE	Điện	81.0	-5.8%	-1.4	1,088	4.3	6,893	11.8	1.8	49.0%	16.7%	
PC1	Điện	36.6	-6.9%	-0.4	374	2.8	3,238	11.3	1.8	5.1%	16.9%	
POW	Điện	13.0	-6.8%	0.6	1,319	8.9	859	15.1	1.0	2.1%	6.9%	
NT2	Điện	21.0	-6.7%	0.6	262	1.1	1,933	10.8	1.4	13.7%	13.1%	
KBC	Khu công nghiệp	40.0	-2.7%	1.5	1,001	10.3	1,154	34.6	1.6	18.7%	5.3%	
BCM	Khu công nghiệp	74.9	-7%	0.9	3,371	1.8	1,190	62.9	4.7	2.7%	8.4%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAF	29.85	8.99	0.05	608900
SHI	15.05	3.79	0.02	748600
CAV	57.40	2.32	0.02	200
TRA	99.50	1.63	0.02	34400
KPF	14.70	6.91	0.01	230800

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BID	-0.01	-3.30	2.41MLN	1.11MLN
VPB	-0.01	-2.71	23.93MLN	607060
TCB	-0.01	-2.61	12.36MLN	373600
GAS	0.00	-2.40	571900	192700
CTG	-0.01	-2.28	5.43MLN	611640

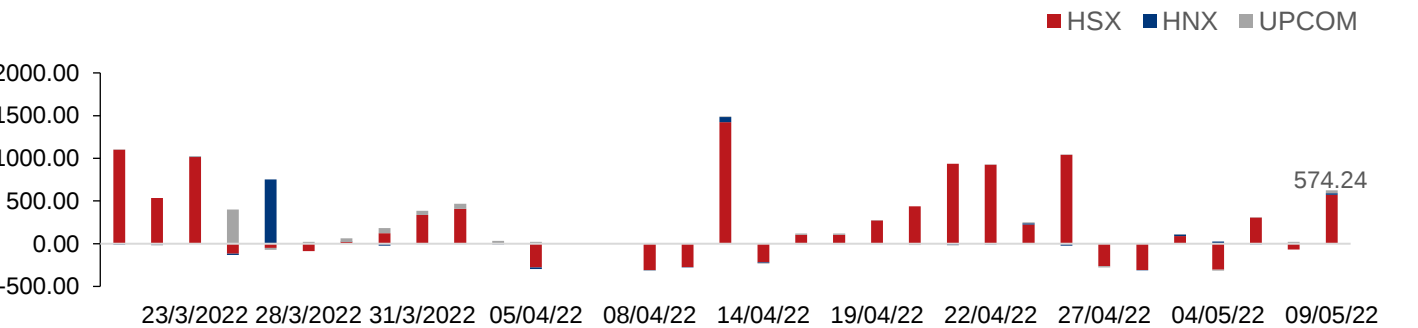
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAF	29.85	8.99	0.05	608900.00
MDG	17.60	6.99	0.00	1500
KPF	14.70	6.91	0.01	230800
COM	50.90	6.82	0.01	700
ST8	15.75	6.78	0.01	32200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHA	47.45	-10.47	-0.02	275500
FMC	61.30	-9.72	-0.11	158900
BCG	18.60	-7.00	-0.16	6.18MLN
CMX	18.60	-7.00	-0.03	3.16MLN
CNG	37.20	-7.00	-0.02	646000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	94.0	5,152	18.2	4.4	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	28.8	2,466	11.7	1.9	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	32.1	11,559	2.8	1.1	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.0	859	15.1	1.0	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	99.1	5,443	18.2	3.0	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	136.4	7,030	19.4	4.5	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	18.0	2,088	8.6	1.1	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	214.9	18,902	11.4	5.0	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	40.0	7,443	5.4	1.8	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	40.0	1,154	34.6	1.6	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	31.2	5,084	6.1	2.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	30.3	1,503	20.2	2.0	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	115.9	8,596	13.5	5.2	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	45.3	2,136	21.2	2.3	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	29.1	2,917	10.0	1.9	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	98.3	8,331	11.8	2.8	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	34.2	1,941	17.6	1.6	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	49.0	3,644	13.4	1.5	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	22.0	1,408	15.6	0.9	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	104.9	5,109	20.5	3.7	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.9	3,141	7.3	1.5	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	49.8	-27	#N/A N/A	0.4	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	14.9	1,701	8.8	0.6	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.3	1,350	9.1	0.6	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	12.3	1,350	9.1	0.6	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	15.9	2,433	6.5	1.3	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	99.1	5,443	18.2	3.0	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	99.1	5,443	18.2	3.0	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	136.4	7,030	19.4	4.5	Click
30	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	48.8	2,762	17.6	3.5	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	46.1	1,900	24.2	2.0	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	20.2	2,108	9.6	1.7	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	19.3	1,034	18.6	1.1	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	98.3	8,331	11.8	2.8	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	32.9	2,916	11.3	1.8	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	12.7	689	18.4	1.0	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	25.9	2,054	12.6	1.3	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	49.1	3019.9	16.2	2.0	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	21.0	1,933	10.8	1.4	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	104.9	5,109	20.5	3.7	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	32.1	11,559	2.8	1.1	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	42.9	1,878	22.8	2.6	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	70.0	4,390	15.9	4.5	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	94.0	5,152	18.2	4.4	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	28.2	401	70.3	2.1	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	214.9	18,902	11.4	5.0	Click
47	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	37.2	6,244	5.9	1.2	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
2	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
3	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
5	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
6	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
7	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
8	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
9	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
10	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
11	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
13	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
14	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
15	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
17	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
20	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
23	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
25	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
26	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
28	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
29	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
30	Banking Sector Outlook		x	Click
31	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
32	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
33	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
34	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
35	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
36	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
37	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
38	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
39	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
40	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
41	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
42	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
43	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
44	Fishery Outlook 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639